

Bản án số: 55/2019/HS-PT
Ngày 24-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Duy Đức - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2019/TLPT-HS ngày 27/5/2019 đối với bị cáo Nguyễn Thanh P. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HSST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh B.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thanh P** (Tên gọi khác: Cu Bà Tiệp), sinh năm 1983 tại B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 6, ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1945 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1952; bị cáo có vợ tên Từ Thị Ngọc P (đã ly hôn), sinh năm: 1983; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án: 01 (Ngày 15/6/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xử phạt 07 năm tù về hành vi mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2010/HSST; Tiền sự: 01 (Ngày 28/4/2017 bị Chủ tịch UBND xã M áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Thị L, sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn H, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp 9, xã M, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).
2. Anh Dương Hoàng T, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã T, huyện H, tỉnh B (vắng mặt).
3. Ông Trình Minh H, sinh năm 1969, địa chỉ: Số 534, lô R, đường Đ, phường 9, quận 4, thành phố H. Chỗ ở hiện nay: Ấp 12, xã M, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).
4. Chị Dương Lệ V, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ. Chỗ ở hiện nay: Ấp 12, xã M, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).
5. Anh Nguyễn Cát V, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh T. Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).
6. Anh Nguyễn Như K, sinh năm 1985, địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Ấp 12, xã M, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).
7. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1988, địa chỉ: Chỗ ở hiện nay: Tổ 7, ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Ấp 12, xã M, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).
8. Chị Lê Thị Huệ T, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).
9. Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 4, ấp 8, xã M, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).
10. Chị Phan Thị Thanh H, sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).
11. Anh Nguyễn Trần Hoàng N, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh P là người có 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích và là người nghiện ma túy. Tháng 6 năm 2015, sau khi chấp hành án tại trại giam A, P trở về địa phương sinh sống như vợ chồng cùng với bạn gái tên Bùi Thị L. Trong thời gian này, P thường xuyên mua ma túy của đối tượng L (Không rõ nhân thân, ở khu vực huyện C, TP H) và Tô Hoài T; Nguyễn Thế H; Nguyễn Trần Hoàng N rồi bán lại cho người nghiện ở khu vực xã M và thị trấn C, huyện C. Cách thức P bán ma túy cho người nghiện như sau: Khi người nghiện cần mua ma túy thì gọi điện cho P qua các số điện thoại: 0917732455, 01675669240 và 0967777822 để trao đổi thỏa thuận thống nhất về số tiền mua ma túy. Khi P đồng ý bán ma túy thì P nói cho người nghiện biết thời gian, địa điểm mua bán ma túy hoặc P đến nơi ở của người nghiện để bán và giao ma túy, thông thường địa điểm P giao ma túy không cố định mà ở các quán cà phê, nhà trọ, nhà nghỉ ở khu vực xã M, thị trấn C.

Với cách thức trên, Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 23/7/2017, Dương Hoài T sử dụng số điện thoại 01669947376 gọi điện thoại cho P qua số điện thoại 0917732455 để mua ma túy với giá 300.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, P mang 01 gói ma túy (Loại ma túy đá, kích thước 1,2cm x 3cm) đến giao cho T. Khi nhận được ma túy, T cất giấu vào túi quần rồi mang về nhà sử dụng, trên đường đi thì bị lực lượng Công an kiểm tra, thu giữ, niêm phong.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Cát V và Nguyễn Như K sử dụng số điện thoại 01699876858 gọi điện thoại cho P qua số 01675669240 để mua ma túy với giá 300.000 đồng. Đến nơi hẹn, P giao 01 gói ma túy kích thước (2,5cm x 0,7cm) cho K rồi lấy 300.000 đồng. Sau đó, K bỏ cất giấu gói ma túy trong người cùng với V mang về phòng trọ sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt giữ.

Tại kết luận giám định số 358/2017/GĐ-PC54 ngày 01/8/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B xác định:

- Tinh thể chứa trong 01 túi nilon màu trắng được hàn kín, kích thước 1,2cm x 3cm (Thu giữ trên người của Dương Hoàng T), là ma túy, trọng lượng 0,1212g, là Methamphetamine.

- Chất chứa bên trong 01 gói nilon màu xanh được dán kín không rõ hình, có chiều dài 2,5cm, phần dán kín rộng 0,7cm (Thu giữ trên người Nguyễn Như K) là ma túy, trọng lượng 0,1441g, là Methamphetamine.

Ngoài lần bán ma túy cho Nguyễn Như K, Nguyễn Cát V và Dương Hoàng T vào ngày 23/7/2017; trước đó trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 7 năm 2017 P còn nhiều lần bán ma túy cho K, V, T và một số người nghiện khác cụ thể:

- Nguyễn Như K: Khoảng 20 giờ 30 ngày 23/7/2017, P đến nhà trọ bà P bán cho Khải 01 gói ma túy đá với số tiền 300.000đ. Ngoài ra, K còn mua ma túy của P nhiều lần (không xác định cụ thể, khoảng 3 - 4 ngày mua 01 lần) với số tiền 300.000đ/lần.

- Dương Hoàng T (Tên gọi khác: Thỏ): Mua ma túy của P khoảng 10 lần, với số tiền 200.000đ – 300.000đ/lần. Trong đó T bán cho P sim số điện thoại 0967777822 với số tiền 1.200.000đ nhưng T lấy ma túy để trừ tiền sim. Tuy nhiên sau đó P bán số lượng ma túy cho T ít hơn nên Tú không làm thủ tục sang tên sim điện thoại cho P mà T bán lại số sim này cho Lê Văn H (Hùng vồ) với giá 1.000.000đ.

- Nguyễn Cát V: Khoảng 20 giờ 30 ngày 23/7/2017, V hùn số tiền 100.000đ với K mua 01 bịch ma túy đá của P với giá 300.000đ (P đến nhà trọ bà P bán cho K). Ngoài ra V còn mua 03 lần ma túy của P trong tháng 7/2017 với số tiền 200.000đ đến 300.000đ/lần.

- Nguyễn Minh H (Đen) mua ma túy của P bán 03 lần, với số tiền 100.000đ/lần. Ngoài ra có nhiều lần P kêu H chở đi thị trấn C, sau đó P trả công cho H bằng việc sử dụng ma túy không phải trả tiền.

- Lê Văn H (Hùng Vô) mua ma túy của P bán khoảng 20 lần với số tiền từ 300.000đ đến 500.000đ/lần.

- Trình Minh H (Tèo) đi cùng cùng Dương Lệ V mua ma túy của P bán 2 - 3 lần với số tiền 100.000đ đến 200.000đ/lần.

- Dương Lệ V mua ma túy của P khoảng 30 lần, với số tiền 200.000đ đến 600.000đ/lần.

- Lê Thị Huệ T (Mai) mua ma túy của P bán 03 lần, với số tiền từ 300.000đ đến 1.000.000đ/lần.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thanh P nhiều lần quanh co, chối tội. Tuy nhiên, với chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập, lời khai của người làm chứng, đủ cơ sở xác định Nguyễn Thanh P nhiều lần bán ma túy cho Nguyễn Như K, Dương Lệ V, Nguyễn Cát V, Dương Hoài T, Lê Thị Huệ T, Trình Minh H, Lê Văn H, Nguyễn Minh H, đều phù hợp về không gian, thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra thu giữ 01 máy điện thoại di động hiệu GIONEE C100 màu đen sim 1 số 0917732455, sim 2 số 01675669240; 03 P bì có dấu niêm P của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B bên trong có chứa 0,1983g ma túy đá (Mẫu vật hoàn lại sau giám định); 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy; 01 xe mô tô hiệu Nouvol biển số 93P1 – 183.19; 01 máy điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng số sim 01647630135 đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản cáo trạng số 29/CTr-VKS, ngày 07/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh B đã tuyên xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/7/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/4/2019, bị cáo Nguyễn Thanh P kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo từ kháng cáo kêu oan cho rằng bị cáo không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đề nghị xin thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh B, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P mức án 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HSST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh B đã kết luận đối với bị cáo. Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Mua, bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và hoàn toàn nhận thức được việc mua, bán trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật. Bản thân bị cáo đã từng bị xử phạt 07 năm tù cũng về hành vi mua, bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện sự bất chấp, coi thường pháp luật. Tại Tòa án cấp sơ thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Tòa án nhân dân huyện C đã xử phạt bị cáo mức án 09 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, xét tại cấp phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo P là thể hiện sự khoan hồng của chính sách pháp luật Việt Nam.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh P.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh B về điều luật áp dụng và phần hình phạt.

Tuyên xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh P phạm tội “Mua, bán trái phép chất ma túy”.

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/7/2017.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thanh P không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B (01);
- TAND huyện C (01);
- VKSND huyện C (01);
- Chi cục THADS huyện C (01);
- Công an huyện C (01);
- Sở Tư pháp tỉnh B (01);
- PV06 CA tỉnh B (01);
- Trại tạm giam – CA tỉnh B (01);
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Bị cáo (01);
- Lưu hồ sơ (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi